

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Add: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: +84-4-38611513 Fax: +84-4-38611511
Email: xdbd@ptic.vn Website: www.ptic.vn

Số: 02/TB-PTIC

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2023.

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TP HCM

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Đầu tư iCapital
Mã chứng khoán : PTC
Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Điện thoại : 024.38611513 Fax: 024.38611511

Loại thông tin công bố: 24h 72h bất thường theo yêu cầu
× Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư iCapital công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2022 được lập vào ngày 17/01/2023

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư iCapital tại đường dẫn: <http://www.ptic.vn> chuyên mục **Thông tin tài chính**.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu VT, TK.

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÀNH CÔNG

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ICAPITAL



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ IV NĂM 2022

Hà Nội, tháng 01 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3- Tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo quý 4 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VNĐ

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| a- TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 175.247.803.388 | 224.005.942.142 |
| (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | | | | |
| I- Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 5.684.425.949 | 79.150.537.183 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.089.161.175 | 77.618.589.085 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.595.264.774 | 1.531.948.098 |
| II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2 | 100.824.592.509 | 66.744.283.413 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 116.068.221.256 | 71.684.006.155 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | -35.243.628.747 | -4.939.722.742 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 20.000.000.000 | |
| III- Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 68.487.358.850 | 77.840.972.068 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 58.459.328.887 | 67.144.766.498 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 620.140.500 | 5.585.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 3.000.000.000 | 4.200.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.3 | 6.808.076.385 | 6.890.807.492 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | -400.186.922 | -400.186.922 |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | | |
| IV- Hàng tồn kho | 140 | V.5 | | |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | | |
| V- Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 251.426.080 | 270.149.478 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.11 | 53.580.000 | |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 41.112.857 | 113.416.255 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 156.733.223 | 156.733.223 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260) | 200 | | 1.050.489.578.473 | 333.534.199.340 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | | | | |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 58.938.000 | |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | | |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | | |
| 4. Phải thu về cho vay dài hạn | 214 | | | |
| 5. Phải thu dài hạn khác | 215 | | 58.938.000 | |

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| 6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 816.086.093.886 | 4.944.321.288 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 816.086.093.886 | 4.944.321.288 |
| - Nguyên giá | 222 | | 862.011.314.303 | 8.506.631.752 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | -45.925.220.417 | -3.562.310.464 |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.9 | | |
| - Nguyên giá | 225 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | | |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | | |
| - Nguyên giá | 228 | | 378.200.000 | 378.200.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | -378.200.000 | -378.200.000 |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.10 | | |
| - Nguyên giá | 231 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.6 | | |
| 1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | | |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2 | 138.220.100.821 | 328.282.875.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 138.220.100.821 | 328.282.875.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 4.930.000.000 | 4.930.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | -4.930.000.000 | -4.930.000.000 |
| 5. Các khoản đầu tư dài hạn khác | 255 | | | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 96.124.445.766 | 307.003.052 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.11 | 147.821.462 | 307.003.052 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.19 | | |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | |
| 4. Lợi thế thương mại | | | 95.976.624.304 | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 1.225.737.381.861 | 557.540.141.482 |
| Nguồn vốn | | | | |
| A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 703.209.561.126 | 210.509.168.998 |
| I- Nợ ngắn hạn | 310 | | 132.207.100.577 | 210.509.168.998 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 57.988.596.242 | 170.005.882.082 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | | |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 493.492.126 | 17.484.358.828 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 566.468.522 | 548.719.525 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 986.649.645 | 42.500.000 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | | |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.17 | | |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 22.063.331.805 | 22.019.146.326 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.12 | 50.000.000.000 | 300.000.000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.18 | | |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 108.562.237 | 108.562.237 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | |

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | | |
| II- Nợ dài hạn | 330 | | 567.520.817.665 | |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | 98.021.026.416 | |
| 2. Chi phí phải trả dài hạn | 332 | | | |
| 3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 333 | | | |
| 4. Phải trả nội bộ dài hạn | 334 | | | |
| 5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 335 | V.17 | | |
| 6. Phải trả dài hạn khác | 336 | V.16 | | |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 337 | V.12 | 469.499.791.249 | |
| 8. Trái phiếu chuyển đổi | 338 | V.13 | | |
| 9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 339 | V.19 | | |
| 10. Dự phòng phải trả dài hạn | 340 | V.18 | | |
| 11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 341 | | | |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420) | 400 | | 522.527.820.735 | 347.030.972.484 |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | V.20 | 522.527.820.735 | 347.030.972.484 |
| 1. Vốn góp chủ sở hữu | 411 | | 323.073.240.000 | 179.999.990.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 33.007.063.010 | 58.087.522.482 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | | |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | -702.929.619 | -6.164.759.586 |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | | 27.646.195.601 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | -9.682.612.940 | 87.462.023.987 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 30.122.492.070 | 87.462.023.987 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | -39.805.105.010 | |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | | |
| 13. Lợi ích cổ đông thiểu số | | | 176.833.060.284 | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | V.21 | | |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | | |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 1.225.737.381.861 | 557.540.141.482 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Đoàn Trang

Trần Thị Len

Nguyễn Thành Công



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3- Tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo quý 4 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2022**

ĐVT: VNĐ

| Chỉ tiêu | Mã số | Quý IV | | Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý | |
|---|-----------|------------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------|
| | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | | 7 | | 7 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | 37.928.140.917 | | 72.674.546.338 | |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | | | | 599.893.492 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 37.928.140.917 | | 72.674.546.338 | -599.893.492 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 15.232.159.414 | | 42.639.131.162 | |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | 22.695.981.503 | | 30.035.415.176 | -599.893.492 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.765.889.921 | 57.781.184.077 | 43.407.119.794 | 86.370.108.082 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 28.201.321.714 | 4.595.311.368 | 94.171.452.084 | 11.012.220.422 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 12.644.833.876 | 347.180.875 | 36.051.498.926 | 930.301.489 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | -6.925.096.223 | | -7.030.148.018 | |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | | | |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 4.748.721.269 | 1.810.877.120 | 17.439.459.546 | 3.874.818.126 |
| 11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)) | 30 | -11.413.267.781 | 51.374.995.589 | -45.198.524.678 | 70.883.176.042 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 5.008.203 | 280.674.615 | 3.815.324.920 | 665.309.153 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 276.338.806 | 3.602.829.580 | 577.628.060 |
| 14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | 5.008.203 | 4.335.809 | 212.495.340 | 87.681.093 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | -11.408.259.578 | 51.379.331.398 | -44.986.029.338 | 70.970.857.135 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 10.303.832.655 | | 13.922.024.351 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | -11.408.259.578 | 41.075.498.743 | -44.986.029.338 | 57.048.832.784 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61 | -16.304.698.818 | 41.075.498.743 | -39.805.105.010 | 57.048.832.784 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | 4.652.665.839 | | -5.180.924.328 | |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2023
Tổng Giám đốc

Đặng Thị Đoàn Trang

Trần Thị Len

Nguyễn Thành Công

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3 - Tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo quý 4 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

| Stt | Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|-------------|--|-------|-------------|------------------------------------|------------------|
| | | | | Năm nay | Năm trước |
| I. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. | <i>Lợi nhuận trước thuế</i> | 01 | | -44.986.029.338 | 70.970.857.135 |
| 2. | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | | |
| - | Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 41.978.528.482 | 770.410.531 |
| - | Các khoản dự phòng | 03 | | 30.303.906.005 | 4.384.109.664 |
| - | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | -215.945 | |
| - | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | -12.063.401.130 | -12.640.009.266 |
| - | Chi phí lãi vay | 06 | | 36.051.498.926 | 930.301.489 |
| 3. | <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | 08 | | 51.284.287.000 | 64.415.669.553 |
| - | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 9.372.336.616 | 65.946.474 |
| - | Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | | |
| - | Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 83.757.554.679 | -3.079.229.992 |
| - | Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 105.601.590 | -242.434.200 |
| - | Tiền lãi vay đã trả | 13 | | -43.426.285.868 | -2.927.373.244 |
| - | Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | 14 | | -44.384.215.101 | -49.306.560 |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | -12.962.958.468 | -10.993.719.750 |
| - | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 38.996.030.316 | |
| - | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | -50.996.226.913 | |
| | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | 20 | | 31.746.123.851 | 47.189.552.281 |
| II. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| - | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | -54.534.561.863 | -30.000.000 |
| - | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 12.453.044.831 | |
| - | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | -28.201.784.110 | -155.900.000.000 |
| - | Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 24 | | 63.001.200.000 | 217.800.197.500 |
| - | Tiền chi đầu tư ĐV khác | 25 | | -206.076.160.000 | -73.025.028.100 |
| - | Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 71.608.427.000 | 5.160.000.000 |
| - | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 2.365.430.707 | 6.819.797.679 |
| | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | 30 | | -139.384.403.435 | 824.967.079 |
| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |

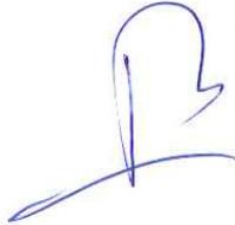
| Stt | Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|-----|---|-----------|-------------|------------------------------------|-----------------------|
| | | | | Năm nay | Năm trước |
| - | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | VII.1 | 38.651.525.625 | 27.269.694.572 |
| - | Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | | | |
| - | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 87.709.177.056 | 134.526.957.636 |
| - | Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | -92.188.534.331 | -135.561.990.212 |
| - | Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | | |
| - | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | | |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 34.172.168.350 | 26.234.661.996 |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | -73.466.111.234 | 74.249.181.356 |
| | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 79.150.537.183 | 4.901.355.827 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | |
| | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 5.684.425.949 | 79.150.537.183 |

Người lập biểu



Đặng Thị Đoàn Trang

Kế toán trưởng



Trần Thị Len



Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Công

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư iCapital (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, tư vấn và đầu tư tài chính, quản lý vận hành các công ty con, công ty liên kết trong lĩnh vực điện gió.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là: xây lắp, tư vấn và đầu tư tài chính, quản lý vận hành các công ty con, công ty liên kết trong lĩnh vực điện gió.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 này.

5a. Thông tin tái cấu trúc nhóm Công ty

Mua công ty con

Trong kỳ, Công ty mẹ đã mua thêm 7.553.800 cổ phần vào Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8, tăng tỷ lệ vốn nắm giữ tại công ty này từ 29,00% lên 50,10%. Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 từ công ty liên kết thành công ty con kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2022.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của công ty con được mua vào ngày mua và lợi thế thương mại như sau:

| | |
|--|------------------------|
| Tài sản | 884.150.327.707 |
| Tiền | 287.349.671 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 15.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 29.809.003.395 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 2.226.630.072 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 3.819.480.113 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 1.478.295.214 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 16.729.892.276 |
| Tài sản cố định hữu hình | 823.156.596.732 |
| Khấu hao | (8.356.919.766) |
| Nợ phải trả | 519.392.843.514 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 9.298.655.153 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1.809.691 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 1.730.587.262 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 4.201.000.000 |
| Vay ngắn hạn | 27.000.000.000 |
| Vay dài hạn | 477.160.791.408 |
| Giá trị hợp lý của tài sản thuần | 364.757.484.193 |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 182.013.984.612 |
| Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (50,1%) (a) | 182.743.499.581 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

| | |
|---|------------------------|
| <i>Giá phí hợp nhất kinh doanh (b) ⁽ⁱ⁾</i> | <u>286.972.800.000</u> |
| Lợi thế thương mại [(b) – (a)] | <u>104.229.300.419</u> |
| Tiền chi thuần để mua công ty con: | |
| Trả bằng tiền | 73.554.433.584 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua | (287.349.671) |
| Tiền chi thuần | <u>73.267.083.913</u> |
| | |
| (i) Giá phí hợp nhất kinh doanh qua 2 giai đoạn, được xác định như sau: | |
| Giá phí khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được phản ánh theo giá trị hợp lý tại ngày nắm quyền kiểm soát Công ty con (16.000 VND/cổ phiếu) | 229.692.800.000 |
| Giá phí khoản đầu tư bổ sung để tăng tỷ lệ sở hữu từ 29% lên 50,1% | 57.280.000.000 |
| Cộng | <u>286.972.800.000</u> |

5b. Công ty con được hợp nhất

Công ty con được hợp nhất là Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 có trụ sở chính tại thôn Xa Bai, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất năng lượng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 50,1% (số đầu năm là 29,0%).

Tình hình hoạt động của công ty con trong kỳ

Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 đã đi vào hoạt động và có doanh thu bán điện từ quý 1 năm 2022.

5c. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7 có trụ sở chính tại thôn Mã Lai, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất năng lượng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 32,81% (không thay đổi so với đầu năm).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty và công ty con có 26 nhân viên đang làm việc tại Nhóm Công ty (số đầu năm là 11 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2022 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2022 của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 4 năm 2022 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2022 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và công ty con thì Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2022 của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán Quý 4 năm 2022 giữa công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 4 năm 2022 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 4 năm 2022 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Nhóm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 4 năm 2022 trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2022 của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 của nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2022 của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước.

7. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 06 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 – 10 |

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 4 năm 2022.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 4 năm 2022 căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định trong hợp đồng mua, bán điện đã được ký kết.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và công ty con được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được giá.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 của Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 20.603.861 | 140.712.834 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.068.557.314 | 65.466.049.878 |
| Tiền đang chuyển ⁽ⁱ⁾ | | 12.011.826.373 |
| Các khoản tương đương tiền - tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | 1.595.264.774 | 1.531.948.098 |
| Cộng | <u>5.684.425.949</u> | <u>79.150.537.183</u> |

(i) Là tiền bán chứng khoán chờ về theo quy định T+3

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

Là các khoản đầu tư cổ phiếu kinh doanh, chi tiết như sau:

| Mã CP | Số cuối kỳ | | | | Số đầu năm | | | |
|------------------|---------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Số lượng CP cuối kỳ | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Số lượng CP đầu kỳ | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| HPG | 750.000 | 28.349.206.609 | 13.500.000.000 | (14.849.206.609) | 750.000 | 36.853.968.592 | 34.800.000.000 | (2.053.968.592) |
| TCB | 600.000 | 31.581.858.400 | 15.510.000.000 | (16.071.858.400) | 600.000 | 31.581.858.400 | 30.000.000.000 | (1.581.858.400) |
| TDC | 1.625.300 | 15.533.335.576 | 16.415.530.000 | - | - | - | - | - |
| IDC | 121.770 | 6.447.820.862 | 3.860.109.000 | (2.587.711.862) | - | - | - | - |
| MBB | 74.400 | 1.640.430.402 | 1.272.240.000 | (368.190.402) | - | - | - | - |
| RAL | 13.311 | 1.497.698.351 | 1.026.278.100 | (471.420.251) | 11.100 | 1.933.395.750 | 1.498.500.000 | (434.895.750) |
| PTP | 20.000 | 1.175.000.000 | 280.000.000 | (895.000.000) | 20.000 | 1.175.000.000 | 306.000.000 | (869.000.000) |
| HNI | 5.800 | 139.268.590 | 144.420.000 | - | 2.900 | 139.268.590 | 144.130.000 | - |
| VIP | 1.170.500 | 8.079.760.751 | 10.066.300.000 | - | - | - | - | - |
| HID | 90 | 514.823 | 273.600 | (241.223) | 90 | 514.823 | 1.206.000 | - |
| HJS | 590.100 | 21.623.326.892 | 23.485.980.000 | - | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 4.971.271 | 116.068.221.256 | 85.561.130.700 | (35.243.628.747) | 1.384.090 | 71.684.006.155 | 66.749.836.000 | (4.939.722.742) |

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng có giá trị ghi sổ bằng giá gốc, lãi suất 4,8%/năm

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|------------------------------|-------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn | 20.000.000.000 | |
| Số cuối kỳ | <u>20.000.000.000</u> | <u>0</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| CTCP Điện gió Hương Linh 7 ⁽ⁱ⁾ | 147.960.000.000 | (9.739.899.179) | 147.960.000.000 | - |
| CTCP Điện gió Hương Linh 8 ⁽ⁱ⁾ | - | - | 166.112.000.000 | - |
| CTCP Cấp Quang Việt Nam VINA - OFC ⁽ⁱⁱ⁾ | - | - | 14.210.875.000 | - |
| Cộng | 147.960.000.000 | (9.739.899.179) | 328.282.875.000 | - |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200706750 ngày 11 tháng 3 năm 2020, thay đổi lần thứ năm ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, Công ty Cổ phần Điện gió Hương Linh 7 có vốn điều lệ là 434.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 14.240.000 cổ phần, chiếm 32,81% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Điện gió Hương Linh 7 (không thay đổi so với đầu năm).

(ii) Ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 2.227.500 cổ phần Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC cho Ông Nguyễn Mạnh Hiển với giá bán 22.700.000.000 VND; lãi chuyển nhượng là 8.489.125.000 VND (xem thêm thuyết minh số V.3 và VI.3).

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

| | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ | Giảm do đạt quyền kiểm soát | Giá trị phần chuyển nhượng | Giá trị phần sở hữu cuối kỳ |
|---|-----------------------------|---------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| CTCP Điện gió Hương Linh 7 ⁽ⁱ⁾ | 147.960.000.000 | (9.739.899.179) | - | - | 138.220.100.821 |
| CTCP Điện gió Hương Linh 8 ⁽ⁱⁱ⁾ | 166.112.000.000 | - | (166.112.000.000) | - | - |
| CTCP Cấp Quang Việt Nam VINA - OFC ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 14.210.875.000 | - | - | (14.210.875.000) | - |
| Cộng | 328.282.875.000 | (9.739.899.179) | (166.112.000.000) | (14.210.875.000) | 138.220.100.821 |

Khoản đầu tư sử dụng để cầm cố, thế chấp

Nhóm Công ty thế chấp toàn bộ 14.240.000 cổ phần Công ty Cổ phần Điện gió Hương Linh 7 cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây (Đã đổi tên thành BIDV chi nhánh Hà Đông) để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Điện gió Hương Linh 7 tại cùng ngân hàng.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Điện gió Hương Linh 7 đã đi vào hoạt động và có doanh thu bán điện từ tháng 01 năm 2022.

Giao dịch với công ty liên kết

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện đã được trích lập dự phòng 100% do Công ty này đang lâm vào tình trạng phá sản.

2e. Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Nguyễn Mạnh Hiên - Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần CTCP Cấp quang Việt Nam Vina-OFC | 17.700.000.000 | - |
| Đặng Thị Đoàn Trang - Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần CTCP Đầu tư và Xây dựng BĐ 1 | - | 1.104.000.000 |
| Ban Quản lý Dự án Phát triển Công trình Đô thị | 400.186.922 | 400.186.922 |
| Nguyễn Thu Phương - Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần CTCP Khách sạn Bưu điện Nha Trang | - | 65.504.427.000 |
| Các khách hàng khác | 40.359.141.965 | 136.152.576 |
| Cộng | <u>58.459.328.887</u> | <u>67.144.766.498</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|-------------------------|
| Công ty Cổ phần Tư vấn SCI ⁽ⁱ⁾ | 437.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 183.140.500 | 5.585.000 |
| Cộng | <u>620.140.500</u> | <u>5.585.000</u> |

⁽ⁱ⁾ Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Tư vấn SCI về cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị và các công việc tư vấn khác cho dự án nhà máy điện gió Hướng Linh 8, thời hạn thực hiện được thống nhất theo tiến độ thi công công trình.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho vay Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (bên liên quan) theo các hợp đồng có thời hạn gốc 24 tháng kể từ ngày giải ngân từng đợt, lãi suất 9%/năm, mục đích cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất cùng các tài sản trên đất và các tài khác của Bên vay.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan ngắn hạn | 5.443.886.286 | - | 6.407.436.286 | - |
| Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly - lãi cho vay phải thu | 5.443.886.286 | - | 6.407.436.286 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 1.364.190.099 | - | 483.371.206 | - |
| Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 2.884.588 | - | 1.527.429 | - |
| Phải thu lãi cho vay | 196.327.158 | - | 196.327.158 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 106.815.000 | - | 165.753.000 | - |
| Tạm ứng | 129.846.375 | - | 47.700.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 928.316.978 | - | 72.063.619 | - |
| Cộng | 6.808.076.385 | - | 6.890.807.492 | - |

6b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí thuê văn phòng.

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 147.821.462 | 307.003.052 |
| Cộng | 147.821.462 | 307.003.052 |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 2.101.272.727 | 770.890.890 | 5.634.468.135 | 8.506.631.752 |
| Tăng do hợp nhất | 852.693.629.823 | - | - | 852.693.629.823 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (811.052.728) | (811.052.728) |
| Số cuối kỳ | 854.794.902.550 | 770.890.890 | 6.445.520.863 | 862.011.314.303 |
| Trong đó: | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 740.890.890 | 841.815.407 | 1.582.706.297 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 420.254.544 | 742.637.785 | 2.399.418.135 | 3.562.310.464 |
| Khấu hao trong kỳ | 105.063.636 | 4.285.716 | 663.600.000 | 772.949.352 |
| Tăng do hợp nhất | 42.401.013.329 | - | - | 42.401.013.329 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (811.052.728) | (811.052.728) |
| Số cuối kỳ | 42.926.331.509 | 746.923.501 | 2.251.965.407 | 45.925.220.417 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 1.681.018.183 | 28.253.105 | 3.235.050.000 | 4.944.321.288 |
| Số cuối kỳ | 811.868.571.041 | 23.967.389 | 4.193.555.456 | 816.086.093.886 |
| Trong đó: | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

9. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

68654
 IG TY
 PHAN
 TU
 TAL
 - TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

10. Lợi thế thương mại

Là lợi thế thương mại phát sinh từ việc Công ty mua cổ phần Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 để nắm quyền kiểm soát, chi tiết phát sinh như sau:

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Số đã phân bổ</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|-----------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | - | - | - |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 104.229.300.419 | - | 104.229.300.419 |
| Phân bổ trong kỳ | | 8.252.676.115 | 8.252.676.115 |
| Số cuối kỳ | 104.229.300.419 | 8.252.676.115 | 95.976.624.304 |

11. Phải trả người bán

11a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| Nguyễn Quang Duy (xem thuyết minh số V.11b) | - | 93.832.000.000 |
| Đặng Quốc Chính ⁽ⁱ⁾ | 51.850.900.000 | 58.102.000.000 |
| Hợp đồng ngày 24/12/2021 | 6.026.900.000 | 58.102.000.000 |
| Hợp đồng ngày 17/3/2022 | 45.824.000.000 | - |
| Nguyễn Công Chiến (xem thuyết minh số V.11b) | - | 17.574.400.000 |
| Nguyễn Công Hùng ⁽ⁱⁱ⁾ | 5.728.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 409.696.242 | 497.482.082 |
| Cộng | 57.988.596.242 | 170.005.882.082 |

(i) Phải trả Ông Đặng Quốc Chính theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng ngày 24 tháng 12 năm 2021: Tiền mua 5.560.000 cổ phần CTCP Điện gió Hướng Linh 7, giá mua 11.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 61.160.000.000 VND
- Hợp đồng chuyển nhượng ngày 17 tháng 3 năm 2022: Tiền mua 3.580.000 cổ phần CTCP Điện gió Hướng Linh 8, giá mua 16.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 57.280.000.000 VND

(ii) Phải trả Ông Nguyễn Công Hùng tiền mua 3.973.800 cổ phần CTCP Điện gió Hướng Linh 8 theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 14 tháng 3 năm 2022, giá mua 13.700 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng 54.441.060.000 VND

11b. Phải trả người bán dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|-----------------------|-------------------|
| Nguyễn Quang Duy ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 80.446.626.416 | - |
| Nguyễn Công Chiến ^(iv) | 17.574.400.000 | - |
| Cộng | 98.021.026.416 | - |

(iii) Phải trả Ông Nguyễn Quang Duy tiền mua 7.160.000 cổ phần CTCP Điện gió Hướng Linh 8 ("Hướng Linh 8") theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 24 tháng 12 năm 2021, giá mua 16.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 114.560.000.000 VND, thời hạn thanh toán theo hợp đồng gốc đến ngày 24 tháng 06 năm 2022, khoản nợ được gia hạn thanh toán đến ngày 31 tháng 01 năm 2024.

(iv) Phải trả Ông Nguyễn Công Chiến tiền mua 3.222.000 cổ phần CTCP Điện gió Hướng Linh 8 theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 24 tháng 12 năm 2021, giá mua 16.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 51.552.000.000 VND, thời hạn thanh toán theo hợp đồng gốc đến ngày 24 tháng 06 năm 2022, khoản nợ được gia hạn thanh toán đến ngày 31 tháng 01 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|--------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT phải nộp | 154.336.280 | 154.336.280 |
| Thuế TNDN | 0 | 16.591.848.254 |
| Thuế TNCN | 127.139.079 | 136.898.119 |
| Thuế, phí, lệ phí khác | 212.016.767 | 601.276.175 |
| Cộng | 493.492.126 | 17.484.358.828 |

(*) Công ty đã trình bày lại số dư đầu năm của các khoản thuế phải nộp căn cứ theo biên bản thanh tra thuế ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Tại Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8: Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 3396/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt dự án nhà máy điện gió Hướng Linh 8, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy điện gió tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và công ty con kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------|--------------------|-------------------|
| Trích trước chi phí | 986.649.645 | 42.500.000 |
| Cộng | 986.649.645 | 42.500.000 |

14. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tài sản thừa chờ giải quyết ^(*) | 17.721.937.050 | 17.721.937.050 |
| Kinh phí công đoàn | 54.866.228 | 44.843.928 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | - | - |
| Phải trả về cổ phần hóa | 51.520.000 | 51.520.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 1.198.575.000 | 1.198.575.000 |
| Lãi vay cá nhân phải trả | 1.998.805.989 | 1.985.305.989 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.037.627.538 | 1.016.964.359 |
| Cộng | 22.063.331.805 | 22.019.146.326 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- (i) Thực hiện Nghị quyết số 09/NĐ-HĐQT ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng quản trị, Công ty theo dõi trên khoản mục “Tài sản chờ giải quyết” đối với các khoản nợ phải trả dư lâu ngày nhưng không liên hệ được với các đối tác liên quan để đối chiếu và chưa tất toán được, bao gồm:

| | Số tiền (VND) |
|----------------------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 7.583.541.858 |
| Người mua trả tiền trước | 3.183.293.005 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 2.470.000.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 4.485.102.187 |
| Cộng | 17.721.937.050 |

15. Vay

15a. Vay ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|--------------------|
| Vay Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset | 3.181.642.884 | - |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân khác (i) | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 50.000.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 50.000.000.000 | - |
| Cộng | 53.481.642.884 | 300.000.000 |

- (i) Khoản vay cá nhân là cán bộ công nhân viên Công ty và các đối tượng khác có lãi suất từ 9% đến 11% /năm để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay từ 01 đến 12 tháng.

15b. Vay dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|-------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 469.499.791.249 | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i) | 469.499.791.249 | - |
| Cộng | 469.499.791.249 | - |

- (i) Là khoản Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 (Công ty con) vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2021/14137881/HĐTD ngày 10 tháng 3 năm 2021 để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ (bao gồm cả lãi vay trong thời gian thi công) đầu tư thực hiện dự án, bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ Dự án Nhà máy Điện gió Hướng Linh 8. Thời hạn vay là 168 tháng, lãi suất cho vay là 7,8%/năm trong 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 6 tháng 8 năm 2021). Tài sản đảm bảo của khoản vay bao gồm:

- Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, vốn tự có, vốn khác thuộc dự án nhà máy điện gió Hướng Linh 8 bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất, máy móc thiết bị, các quyền tài sản, quyền và lợi ích thu được liên quan đến Nhà máy điện gió Hướng Linh 8;
- Thế chấp nguồn thu từ các khoản bồi thường thiệt hại liên quan đến dự án;
- Thế chấp quyền đòi nợ theo hợp đồng mua bán điện ký kết với EVN;
- Thế chấp toàn bộ cổ phần của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8;
- Cầm cố, thế chấp các tài sản đảm bảo khác với giá trị tối thiểu 100 tỷ đồng. Sau khi dự án được cấp giấy chứng nhận phát điện thương mại, đạt mức giá điện 8,5 UScent/kwh đối với toàn bộ dự án và đi vào vận hành, có doanh thu ổn định trong thời gian tối thiểu 1 năm, đảm bảo khả năng trả nợ gốc lãi của các tổ chức tín dụng, bên cho vay xem xét giải chấp các tài sản đảm bảo này trên cơ sở đề nghị của bên vay.
- Bất cứ biện pháp đảm bảo nào khác mà phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm có bao gồm nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

15c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| Nội dung | Vốn đầu tư chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | LN sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------------|---------------------------------|------------------------|
| 1. Số dư đầu năm trước | 179.999.990.000 | 35.684.263.731 | (11.031.195.407) | 27.646.195.601 | 30.413.191.203 | - | 262.712.445.128 |
| - Tăng vốn trong năm trước | | 22.403.258.751 | 4.866.435.821 | | | | 27.269.694.572 |
| - Lãi trong năm trước | | | | | 57.048.832.784 | | 57.048.832.784 |
| - Mua lại cổ phiếu quỹ | | | | | | | - |
| - Giảm vốn trong năm trước | | | | | | | - |
| - Lỗ trong năm trước | | | | | | | - |
| - Giảm khác | | | | | | | - |
| 2. Số dư cuối năm trước | 179.999.990.000 | 58.087.522.482 | (6.164.759.586) | 27.646.195.601 | 87.462.023.987 | - | 347.030.972.484 |
| 1. Số dư đầu năm nay | 179.999.990.000 | 58.087.522.482 | (6.164.759.586) | 27.646.195.601 | 87.462.023.987 | - | 347.030.972.484 |
| - Bán cổ phiếu quỹ | | 33.007.063.010 | 5.461.829.967 | | | | 38.468.892.977 |
| - Lãi trong kỳ | | | | | (39.805.105.010) | | (39.805.105.010) |
| - Tăng vốn từ NVCSH | 143.073.250.000 | (58.087.522.482) | - | (27.646.195.601) | (57.339.531.917) | | - |
| - Phân phối trích lập các quỹ | | | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

| | | | | | | | | | |
|---|------------------------|-----------------------|----------------------|----------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------|-----------------|
| - Tăng do hợp nhất (CTLK thành CT con) | | | | | | | | | |
| - Chia cổ tức | | | | | | | | | |
| - Lợi ích cổ đông thiểu số | | | | | | | | 176.833.060.284 | 176.833.060.284 |
| 2. Số dư cuối năm nay | 323.073.240.000 | 33.007.063.010 | (702.929.619) | - | (9.682.612.940) | 176.833.060.284 | 522.527.820.735 | | |

⁽¹⁾ Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 17 tháng 2 năm 2022, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ thực hiện quyền 10:8, nguồn sử dụng theo thứ tự ưu tiên: Thặng dư vốn cổ phần, Quỹ Đầu tư phát triển, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Số lượng cổ phiếu thực tế đã phát hành là 14.307.325 cổ phiếu, giá phát hành bằng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

⁽²⁾ Từ ngày 28/12/2021 đến ngày 11/1/2022, Công ty đã hoàn thành việc tái phát hành 1.700.000 cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 (tiếp theo)

16b. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 32.307.324 | 17.999.999 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 32.307.324 | 17.999.999 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại | 115.700 | 1.014.700 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 32.191.624 | 16.985.299 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16c. Kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 ngày 25 tháng 4 năm 2022 đã thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ với phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện quyền (dự kiến) 1:1,75, giá chào bán bằng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Tổng giá trị chào bán dự kiến 312.975.230.000 VND. Thời gian thực hiện trong vòng 01 năm kể từ ngày ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị lựa chọn và quyết định thời điểm thực hiện phù hợp.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 4 năm 2022

17a. Ngoại tệ các loại

Không có

17b. Nợ khó đòi đã xử lý

Các số dư công nợ lâu ngày không đối chiếu xác nhận được, hồ sơ thanh toán đã thất lạc, được xử lý xóa sổ từ năm 2020 theo Quyết định số 312/QĐ-PTIC-TCKT ngày 31/12/2020 của Tổng Giám đốc Công ty, chi tiết như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | 16.408.835.999 | 16.408.835.999 |
| Công ty Viễn thông liên tỉnh | 3.307.021.232 | 3.307.021.232 |
| Xí nghiệp Khảo sát thiết kế | 1.837.861.923 | 1.837.861.923 |
| Viễn thông Bà Rịa Vũng Tàu | 1.354.490.857 | 1.354.490.857 |
| Các khách hàng khác | 9.909.461.987 | 9.909.461.987 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 6.026.554.479 | 6.026.554.479 |
| Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ | 1.646.295.000 | 1.646.295.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên | 1.238.690.800 | 1.238.690.800 |
| Các nhà cung cấp khác | 3.141.568.679 | 3.141.568.679 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 30.550.206.388 | 30.550.206.388 |
| Tạm ứng xây dựng và sản xuất kinh doanh | 22.368.177.286 | 22.368.177.286 |
| Các khoản phải thu khác | 8.182.029.102 | 8.182.029.102 |
| Cộng | 52.985.596.866 | 52.985.596.866 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Kỳ này | |
|--------------------------------|----------------|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 21.000.000 | - |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | | |
| Doanh thu bán điện thương phẩm | 37.902.140.917 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. Chi phí khác

| | Kỳ này | |
|---|--------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | | - |
| Chi phí cho thuê mặt bằng và dịch vụ đi kèm | | - |
| Chi phí khác | 243.773.400 | 276.338.806 |
| Cộng | 243.773.400 | 276.338.806 |

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Kỳ này | |
|--|------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ | (16.304.698.818) | 41.075.498.743 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (16.304.698.818) | 41.075.498.743 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 32.147.519 | 30.491.624 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (507) | 1.347 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | Lũy kế | |
|--|-------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 16.985.299 | 16.184.299 |
| Ảnh hưởng của 1.700.000 cổ phiếu phổ thông phát hành lại ngày 27 tháng 12 năm 2021 | 854.895 | |
| Ảnh hưởng của 14.307.325 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 27 tháng 4 năm 2022 từ nguồn VCSH | 14.307.325 | 14.307.325 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 32.147.519 | 30.491.624 |

8b. Thông tin khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 17 tháng 2 năm 2022, Công ty mẹ đã tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu với số lượng cổ phiếu tăng thêm là 14.307.325 cổ phiếu.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Trong kỳ, Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Tiền lương</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|--|--------------------|-------------------|----------------------|
| Kỳ trước | | | |
| Bà Phạm Thị Thu Hà - Chủ tịch HĐQT | - | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Ông Phạm Vĩnh Phú - BKS | - | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Bà Trần Thị Len - Kế toán trưởng | 44.590.860 | 9.000.000 | 53.590.860 |
| Cộng | <u>44.590.860</u> | <u>81.000.000</u> | <u>74.590.860</u> |
| Kỳ này | | | |
| Bà Phạm Thị Thu Hà - Chủ tịch HĐQT | - | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Ông Nguyễn Thành Công - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (từ 23/02/2022) | 67.836.666 | 12.000.000 | 79.836.666 |
| Ông Hoàng Thế Vinh - Thành viên HĐQT (từ 25/04/2022) | - | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thành viên HĐQT (từ 17/02/2022)/Thành viên Ủy ban KTNB (từ 23/02/2022) | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Phạm Vĩnh Phú - Thành viên HĐQT (từ 17/02/2022)/Thành viên Ủy ban KTNB | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Trần Thị Len - Kế toán trưởng | 42.000.000 | 9.000.000 | 51.000.000 |
| Cộng | <u>109.836.666</u> | <u>81.000.000</u> | <u>190.836.666</u> |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---------------------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7 | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chỉ phát sinh giao dịch phải thu lãi cho vay bên liên quan là Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly, số tiền phải thu kỳ này là 336.450.000 đồng (Số tiền phải thu Kỳ trước: 419.667.973 VND)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.6a.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ nhóm Công ty cung cấp

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. Giải trình nguyên nhân lợi nhuận lỗ và chênh lệch lợi nhuận lớn hơn 10% so cùng kỳ và năm 2021

Kết quả kinh doanh Quý IV và năm 2022, lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ là (16.304.698.818) đồng và cả năm (39.805.105.010) đồng, lỗ và giảm với mức chênh lệch lớn hơn 10% so với cùng kỳ năm 2021 (Quý IV năm 2021 có lợi nhuận sau thuế : 41.075.498.743 đồng, cả năm 2021 là 57.048.832.784 đồng) chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Chi phí tài chính công ty tăng mạnh do (1) Trong năm 2022, do các yếu tố vĩ mô không thuận lợi, thị trường chứng khoán suy giảm mạnh khiến công ty đã trích lập dự phòng với các khoản đầu tư tài chính 33,1 tỷ đồng (2) Công ty trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty cổ phần Điện gió Hướng Linh 7: 9,7 tỷ đồng (3) Chi phí lãi vay tăng tại Công ty con: Công ty cổ phần Điện gió Hướng Linh 8.

- Sản lượng điện gió không được như kỳ vọng tại Công ty con do các yếu tố khách quan về thời tiết.

Người lập biểu

Đặng Thị Đoàn Trang

Kế toán trưởng

Trần Thị Len



Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Công
